

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/KDTM-ST

Ngày: 18 - 6 - 2025

*V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Đồi

Ông Nguyễn Chí Lin

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 55/2024/TLST-KDTM, ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-KDMT ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2025/QĐST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH S bao bì giấy Đ.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường số F, Khu Công nghiệp T, phường A, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hsiao Yi C - Chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền ông Hsiao Yi C: Bà Phạm Thị Thùy T, sinh năm 1989 (Theo Giấy ủy quyền ngày 28/10/2024).

Địa chỉ: G, phường T, thị xã T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Công ty TNHH B.

Địa chỉ trụ sở chính: Xưởng B, Lô D, Đường số C, Khu Công nghiệp H (GD 3+4), xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Yu Junming - Chức vụ: Giám đốc.

(Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/10/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương do bà Phạm Thị Thùy T là người đại diện hợp pháp ủy quyền trình bày: Ngày 01/10/2023, Công ty TNHH S (sau đây gọi tắt là Công ty S) và Công ty TNHH B (sau đây gọi tắt là Công ty B) có ký kết hợp đồng kinh tế số 01.23/DC-BP. Nội dung hợp đồng thể hiện: Công ty S bán cho Công ty PRODUCTS các loại thùng carton phục vụ cho việc đóng gói bao bì. Do chỗ quen biết nên trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 6/2024, Công ty S nhiều lần bán hàng cho Công ty B với tổng số tiền 721.508.109 đồng. Nhiều lần Công ty S yêu cầu Công ty B trả nợ nhưng Công ty B chỉ trả được số tiền 400.000.000 đồng (có sao kê chuyển khoản ngân hàng), còn lại số tiền 321.267.611 đồng đến nay Công ty B chưa thanh toán.

Nay, nguyên đơn Công ty S khởi kiện với yêu cầu: Buộc Công ty B trả cho Công ty S số tiền mua hàng hóa còn nợ là 321.267.611 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra, Công ty S không còn yêu cầu gì khác, do bận công việc và phía bị đơn không hợp tác nên phía nguyên đơn xin vắng mặt trong buổi hòa giải, xét xử giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn Công ty TNHH B: Từ khi thụ lý vụ kiện, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là Công ty TNHH B như: Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, không xuất trình chứng cứ và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đại diện nguyên đơn có đủ căn cứ xác định Công ty TNHH B còn nợ tiền mua bán hàng hóa Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương là 321.267.611 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương khởi kiện Công ty TNHH B thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán hàng hóa. Cả hai công ty đều có đăng ký kinh doanh và Công ty TNHH B có trụ sở tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”. Tòa án huyện Đ thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về xét xử vắng mặt các đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Thùy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đại diện Công ty TNHH B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Nguyên đơn thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, bị đơn Công ty TNHH B vắng mặt không có ý kiến trình bày nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Khi nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đ đã khởi kiện vụ án tại Tòa án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn Công ty TNHH B vẫn vắng mặt không lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng, không có bản khai cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét ý kiến, yêu cầu, nguyện vọng nếu có của bị đơn Công ty TNHH B. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*” và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, Công ty TNHH B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên Công ty TNHH B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương đã cung cấp và căn cứ theo quy định của pháp luật để làm cơ sở xét xử vụ án.

[2.2] Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ Hợp đồng kinh tế số 01.23/DC-BP ngày 01/10/2023, các phiếu giao hàng (các ngày 04/10/2023, 06/10/2023,

17/10/2023, 20/10/2023, 26/3/2024, 01/4/2024, 03/4/2024, 17/4/2024, 25/4/2024, 26/4/2024, 04/5/2024, 06/5/2024, 07/5/2024, 11/5/2024, 03/6/2024, 04/6/2024, 05/6/2024, 11/6/2024, 12/6/2024, 13/6/2024), các hóa đơn giá trị gia tăng (số 2686 ngày 28/10/2023, số 898 ngày 26/4/2024, số 1195 ngày 31/5/2024, số 1437 ngày 27/6/2024), các hóa đơn giá trị gia tăng cùng bảng sao kê tài khoản ngân hàng ngày 15/01/2025 mà nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương cung cấp. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định giữa Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương và Công ty TNHH B có thỏa thuận về việc mua bán các loại thùng carton phục vụ cho việc đóng gói bao bì và Công ty TNHH B còn nợ theo các hóa đơn tổng cộng số tiền là 321.267.611đồng. Do đó, nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty TNHH B phải thanh toán tiền nợ là 321.267.611đồng là có căn cứ theo Điều 50, Điều 55, Điều 85 và Điều 87 Luật thương mại năm 2005 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn Công ty TNHH B đã không thực hiện việc cam kết trả nợ theo đúng thỏa thuận, xét thấy việc kéo dài thêm nữa thời gian thanh toán gây thiệt hại đến quyền lợi của nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ.

[3] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Đối với việc Công ty TNHH B vắng mặt không có ý kiến trình bày. Nếu sau này Công ty TNHH B có tranh chấp gì trong việc thanh toán, tất toán hoặc giao dịch khác liên quan đến số tiền tranh chấp với Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương (nếu có) thì Công ty TNHH B được quyền khởi kiện vụ án khác nếu Công ty TNHH B có yêu cầu.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước trên số tiền có nghĩa vụ hoàn trả tổng cộng 321.267.611đồng là 16.063.382đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 178, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 24, Điều 50, Điều 55, Điều 85, Điều 87 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” đối với bị đơn Công ty TNHH B.

Buộc Công ty TNHH B phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương số tiền mua bán hàng hóa còn nợ tổng cộng là 321.267.611 đồng (*Ba trăm hai mươi một triệu, hai trăm sáu mươi bảy nghìn sáu trăm mười một đồng*) theo Hợp đồng kinh tế số 01.23/DC-BP ngày 01/10/2023.

Thời hạn và phương thức thanh toán: Trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành, bên có nghĩa vụ phải thi hành án mà chậm thi hành án thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu tính lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

2.1 Buộc Công ty TNHH B phải nộp 16.063.382 đồng (*Mười sáu triệu không trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm tám mươi hai đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Công ty TNHH B chưa nộp.

2.2. Công ty cổ phần H không phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho Công ty TNHH S bao bì giấy Đài Chương số tiền là 16.430.000 đồng (*Mười sáu triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006240 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3. Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thành